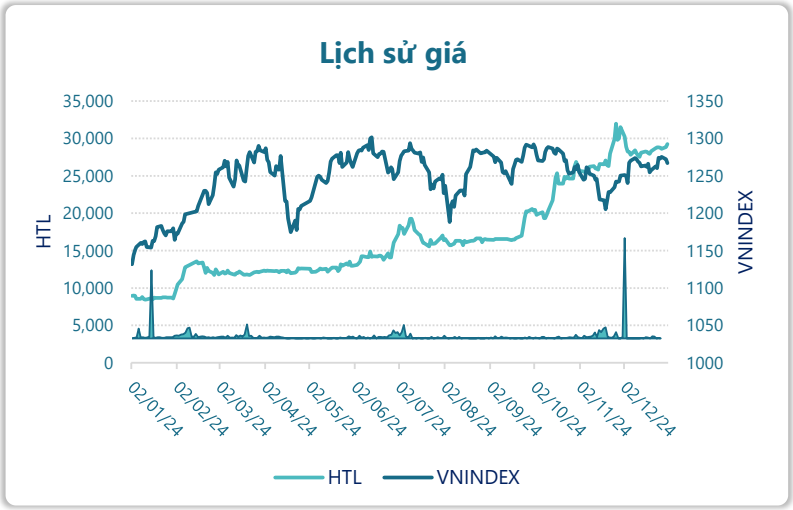
FireAnt

CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long (HSX: HTL)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,250**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,970
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,440
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,539
% sở hữu nước ngoài	30.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	351
P/E	13.1
EPS	2,233

DT thuần

Q4/24

135

tỷ VNĐ

YoY: ▼153| -53.1%

LN sau thuế

Q4/24

7.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.84| 13.3%

YoY: ▼22.6| -75.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.4%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2024

476

tỷ VNĐ

YoY: ▼182| -27.5%

LN sau thuế

2024

26.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.5| -30.1%

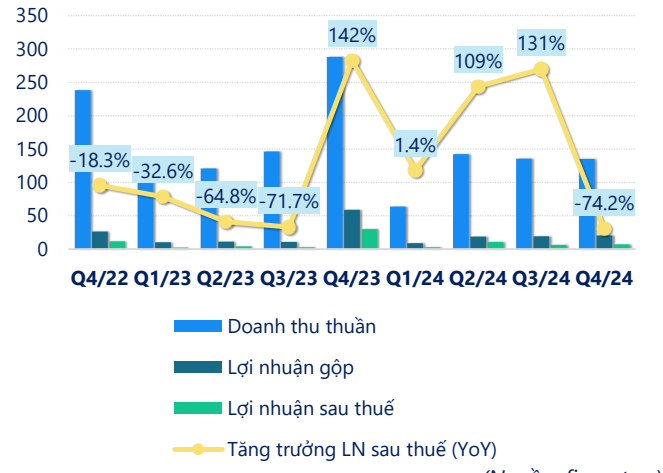
ROE

2024

12.1%

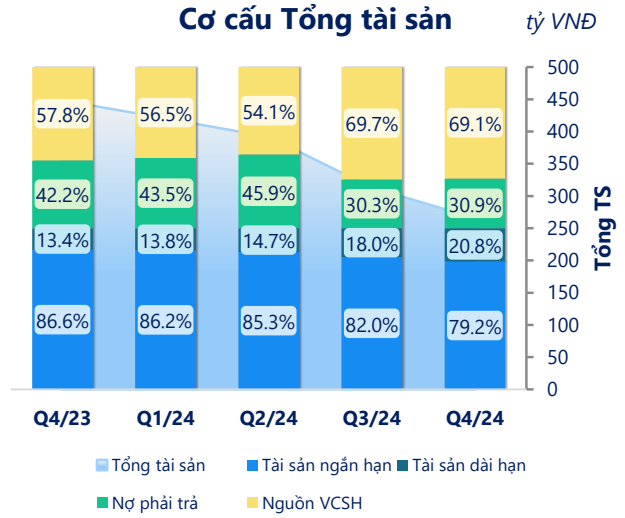
+/- YoY: ▼ 3.5%

Kết quả kinh doanh



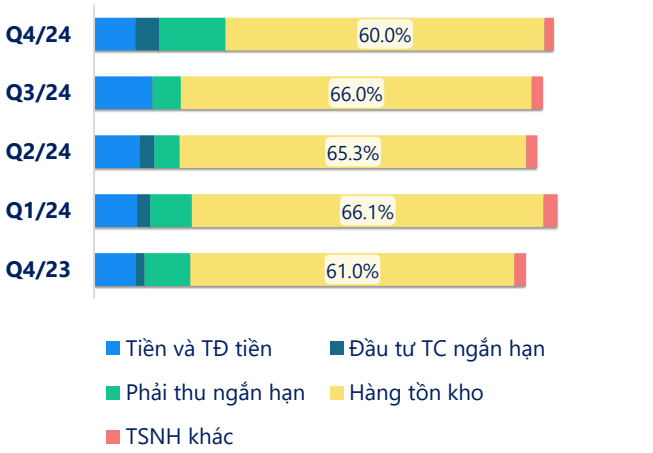
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



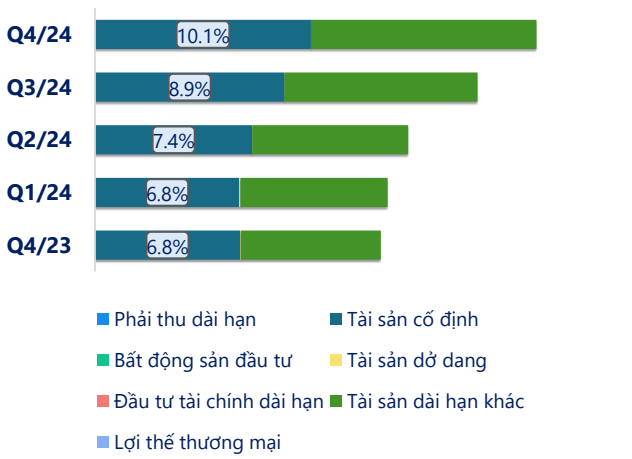
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



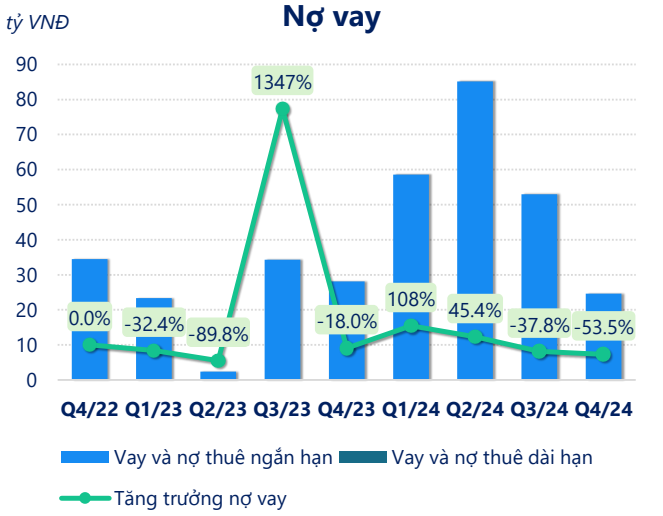
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



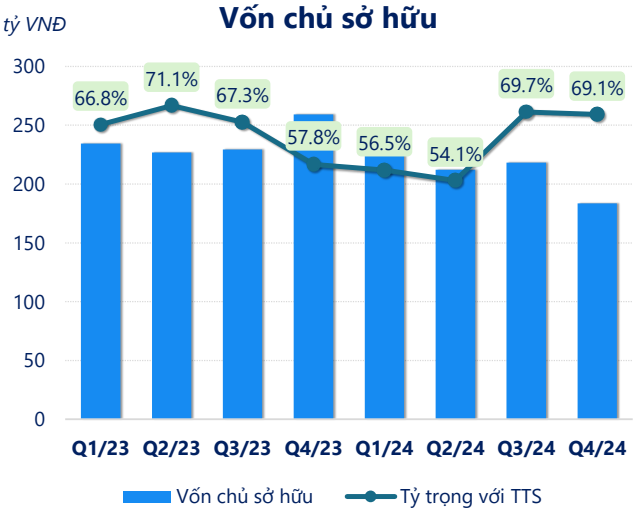
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



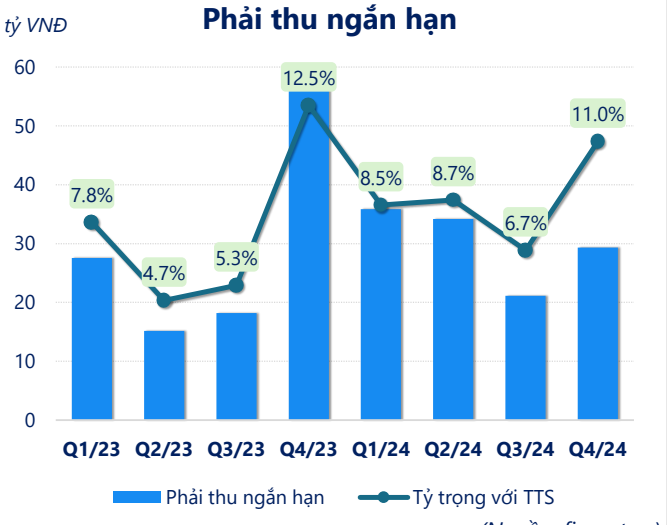
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



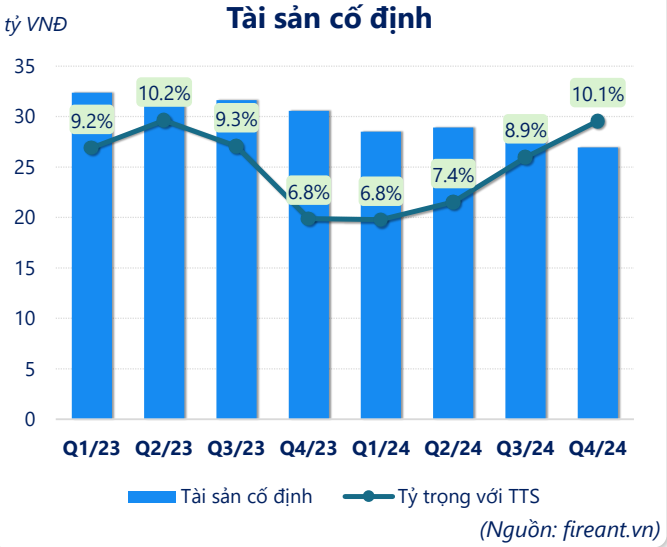
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



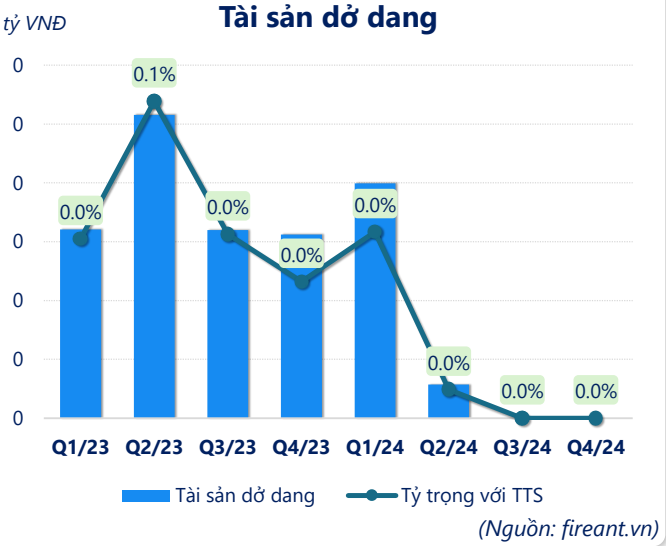
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



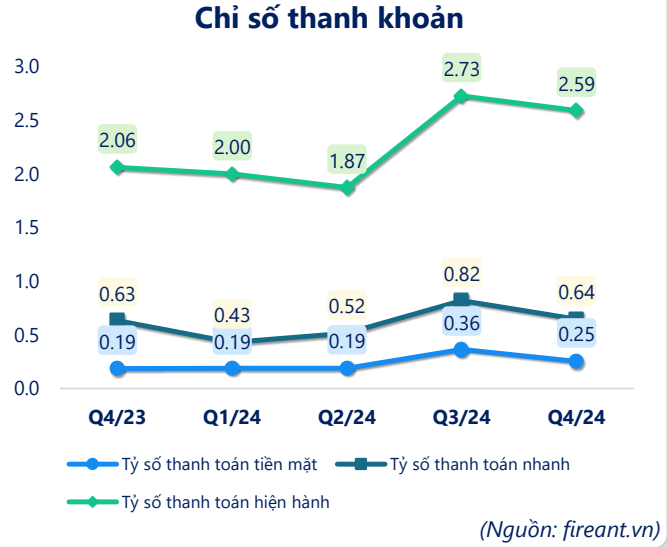
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



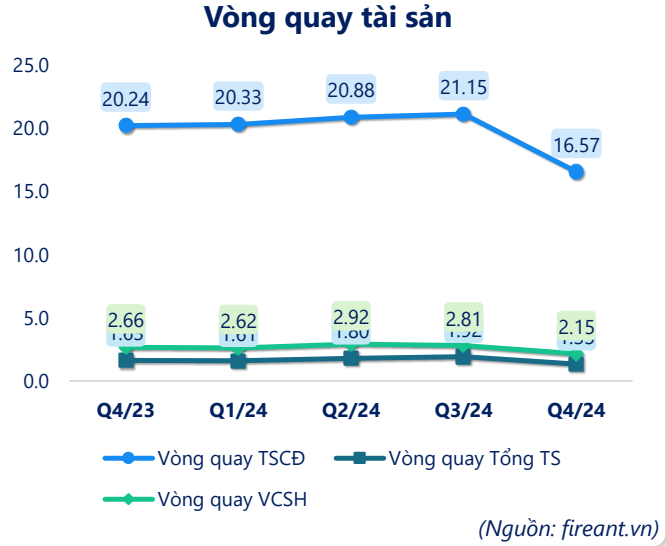
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**448**	**420**	**392**	**313**	**266**
Tài sản ngắn hạn	**388**	**362**	**334**	**257**	**211**
Tiền và tương đương tiền	35.0	34.0	33.7	34.3	20.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.2	0.15	20.2	20.2	0.15
Phải thu ngắn hạn	56.0	35.8	34.2	21.1	29.3
Hàng tồn kho	269	284	242	180	158
Tài sản ngắn hạn khác	7.97	8.03	3.92	1.65	2.36
Tài sản dài hạn	**60.2**	**57.8**	**57.7**	**56.4**	**55.1**
Phải thu dài hạn	0	0	0.03	0	0.03
Tài sản cố định	30.6	28.5	28.9	27.9	26.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.16	0.20	0.03	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	29.5	29.1	28.7	28.5	28.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**189**	**183**	**180**	**95.1**	**82.1**
Nợ ngắn hạn	**188**	**181**	**178**	**94.3**	**81.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	28.1	58.6	85.2	53.0	24.6
Phải trả người bán ngắn hạn	72.3	43.1	29.4	12.0	31.1
Nợ dài hạn	0.79	1.40	1.27	0.76	0.76
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**259**	**237**	**212**	**218**	**184**
Vốn chủ sở hữu	**259**	**237**	**212**	**218**	**184**
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)